

Số: 254 /QĐ-BVĐHYD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu
Cung cấp bổ sung vật tư y tế tiêu hao năm 2022 (lần 5)

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 3639/2000/QĐ-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM;

Căn cứ Quyết định số 727/QĐ-BYT ngày 15 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 3313/QĐ-BVĐHYD ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung cấp bổ sung vật tư y tế tiêu hao năm 2022 (lần 5);

Theo đề nghị của Tổ Chuyên gia tại Tờ trình số 02/TTr-TCG ngày 02 tháng 02 năm 2023 về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp bổ sung vật tư y tế tiêu hao năm 2022 (lần 5) và Báo cáo thẩm định số 02/BCTĐ-TTĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 của Tổ Thẩm định về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp bổ sung vật tư y tế tiêu hao năm 2022 (lần 5).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp bổ sung vật tư y tế tiêu hao năm 2022 (lần 5) với các nội dung sau:

- Nhà thầu trúng thầu: 45 nhà thầu;

STT	Mã HSDX	Tên nhà thầu trúng thầu	Số danh mục	Giá trị (VND)
1	1	Công ty TNHH TM Mai Phương Phát	1	750.000.000
2	2	Công ty TNHH Thương mại và Thiết bị y tế Nhật Minh	4	284.196.000
3	3	Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Bảo Thạch	2	17.535.000

STT	Mã HSDX	Tên nhà thầu trúng thầu	Số danh mục	Giá trị (VND)
4	4	Liên danh Phú Tài	2	934.500.000
5	5	Công ty TNHH TMTH Vinatrading	1	604.800.000
6	6	Công ty CP TM DV XNK Viên Phát	3	663.600.000
7	7	Công ty TNHH IDS Medical Systems Việt Nam	1	118.800.000
8	8	Công ty Cổ phần Thương mại Dược Vật tư y tế Hà Nội	3	40.355.000
9	9	Công ty Cổ phần Đầu tư Hoàng Nguyên	1	267.500.000
10	10	Công ty Cổ phần Thiết Bị Metech	2	79.190.000
11	11	Công ty TNHH Thiết bị y tế Medent	1	120.750.000
12	12	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kỹ thuật Phúc Tín	2	51.366.000
13	13	Công ty TNHH Trang thiết bị và Vật tư y tế Hoàng Việt Long	6	737.730.000
14	14	Công ty Cổ phần Trang thiết bị y tế Trọng Tín	5	408.893.100
15	15	Công ty TNHH Dược phẩm B.H.C	2	42.944.000
16	16	Công ty TNHH Mega Lifesciences Việt Nam	3	380.010.025
17	17	Công ty CP TBYT CTH	1	106.800.000
18	18	Liên danh Công ty TNHH Thương mại Diên Niên và Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hạnh Minh	5	4.024.688.000

STT	Mã HSDX	Tên nhà thầu trúng thầu	Số danh mục	Giá trị (VND)
19	19	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương Codupha	2	479.115.000
20	20	Công ty TNHH VTYT Phương Lan	4	354.100.000
21	21	Công ty TNHH Dược phẩm Phương Phương	5	1.022.295.000
22	22	Công ty TNHH Đầu tư và Công nghệ y tế Gia Ngọc	1	443.520.000
23	23	Công ty TNHH Trang Thiết Bị Nha Khoa	5	74.559.000
24	24	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Thời Thanh Bình	1	173.700.000
25	25	Công ty TNHH Thiết bị y tế DMED	2	426.600.000
26	26	Công ty TNHH Đạt Phú Lợi	6	76.645.500
27	27	Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Hoàng Ánh Dương	5	1.078.404.000
28	28	Công ty TNHH Thiết bị y tế Y Phương	6	599.931.360
29	29	Công ty TNHH GPKH Làn Da	1	59.400.000
30	30	Công ty TNHH Y tế Việt Tiến	2	431.480.000
31	31	Công ty TNHH Dược Kim Đô	4	105.545.000
32	32	Tổng Công ty Thiết bị y tế Việt Nam CTCP	3	122.160.000
33	33	Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật An Pha	1	24.000.000
34	34	Công ty TNHH Y Nha khoa 3D	13	1.770.535.500
35	35	Công ty TNHH DV TM Hoàng Bình	1	30.000.000



STT	Mã HSDX	Tên nhà thầu trúng thầu	Số danh mục	Giá trị (VND)
36	36	Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông	1	99.000.000
37	37	Công ty CP DP Trung Ương CPC1	1	72.975.000
38	38	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	2	1.135.529.640
39	39	Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Bảo Nguyên	1	13.440.000
40	40	Công ty TNHH Một Thành Viên Công Nghệ Cao Và Thương Mại Quốc Tế Hải Long	16	181.905.500
41	41	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương	2	97.200.000
42	42	Công ty TNHH Huy Thông	1	142.800.000
43	43	Công ty CP Y Tế Nhất Minh	2	1.217.500.000
44	44	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Hoàng Lộc	3	871.290.000
45	45	Công ty TNHH Vật Liệu Y tế Việt	1	10.500.000
Tổng cộng			137	20.747.787.625

- Giá trúng thầu: 20.747.787.625 VND (Bằng chữ: Hai mươi tỷ, bảy trăm bốn mươi bảy triệu, bảy trăm tám mươi bảy nghìn, sáu trăm hai mươi lăm đồng);

Giá trên đã bao gồm thuế, phí và các chi phí có liên quan.

- Danh mục trúng thầu: Chi tiết theo phụ lục 1 đính kèm;
- Danh mục không trúng thầu: Chi tiết theo phụ lục 2 đính kèm;
- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 08 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
- Nguồn vốn: Nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 2. Phòng Vật tư thiết bị chịu trách nhiệm hoàn thiện hợp đồng đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Hành chính, Trưởng phòng Tài chính kế toán, Trưởng Đơn vị Quản lý đấu thầu, Trưởng phòng Vật tư thiết bị và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, VTTB (J06-026-nnminh) (9).

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Bắc



~er nlo~

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH NHÀ THẦU VÀ SẢN PHẨM TRÚNG THẦU
(Đính kèm Quyết định 254/QĐ-BVĐHYD ngày 14 tháng 02 năm 2023)

1. Tên nhà thầu: Công ty TNHH TM Mai Phương Phát

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1	1	110	6	Thanh nạng ngực	Thanh nạng ngực	TIS1031_xxx	Care Tech	Hàn Quốc	Care Tech	Hàn Quốc	Gói/1 cái	Cái	9671NK/BYT-TB-CT	50	15.000.000	750.000.000
	Tổng cộng:		1	danh mục											Giá trị:	750.000.000

2. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thương mại và Thiết bị y tế Nhật Minh

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
2	1	36	5	Bình chứa dịch, khí màng phổi, bằng thủy tinh, 2000ml	Bình dẫn lưu màng phổi	NM30	Nhật Minh	Việt Nam	Nhật Minh	Việt Nam	Hộp/1 cái	Cái	180000528/PCBA-HCM	100	103.950	10.395.000
3	2	37	5	Dây hút dịch dùng trong phẫu thuật, dài 3,5m	Dây hút dịch phẫu thuật 3,5m	NM50	Nhật Minh	Việt Nam	Nhật Minh	Việt Nam	Gói/1 cái	Cái	180000527/PCBA-HCM	15.000	14.500	217.500.000
4	3	38	5	Ông nổi thẳng con số	Ông nổi đa năng	NM20	Nhật Minh	Việt Nam	Nhật Minh	Việt Nam	Túi/ 1 cái	Cái	180000527/PCBA-HCM	7.000	2.373	16.611.000
5	4	39	5	Bao camera nội soi tiết khuẩn	Bao camera nội soi	NM01	Nhật Minh	Việt Nam	Nhật Minh	Việt Nam	Gói/1 cái	Cái	180000526/PCBA-HCM	7.000	5.670	39.690.000
	Tổng cộng:		4	danh mục											Giá trị:	284.196.000

3. Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Bảo Thạch

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
6	1	19	5	Gạc dẫn lưu, cỡ 1 x 300cm, 4 lớp	Gạc dẫn lưu tiết trùng 0,01m x 3m x 4 lớp	913PA	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	Châu Ngọc Thạch	Việt Nam	Gói/ 1 cuộn	Cuộn	210000106/PCBA-BD	3.800	2.100	7.980.000
7	2	20	5	Khăn phẫu thuật, cỡ 60 x 60 cm	Sàng mổ tiết trùng 60cm x 60cm có lỗ	1072PA	Châu Ngọc Thạch (Thương hiệu Bảo Thạch)	Việt Nam	Châu Ngọc Thạch	Việt Nam	Gói/1 cái	Cái	210000041/PCBA-BD	3.500	2.730	9.555.000
	Tổng cộng:		2	danh mục											Giá trị:	17.535.000

4. Tên nhà thầu: Liên danh Phú Tài

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
8	1	5	5	Găng tay sạch không bột, các cỡ	Găng tay sạch không bột, các cỡ	Đhglives-ĐHPF	Công ty Cổ phần găng tay Bình Phước	Việt Nam	Công ty TNHH SX TM Đình Hưng Phát	Việt Nam	Hộp 50 đôi, Thùng 500 đôi	Đôi	210000109/PCBA-BD	500.000	1.519	759.500.000
9	2	6	6	Găng tay diệt khuẩn, không bột, dài khoảng 290 ± 10 mm	Găng tay phẫu thuật diệt trùng, không bột, các cỡ	HTC.SSPF	Công ty Cổ phần Găng tay HTC	Việt Nam	Công ty Cổ phần Găng tay HTC	Việt Nam	Đôi/ túi, Hộp 50 đôi	Đôi	220001246/PCBB-BYT	25.000	7.000	175.000.000
Tổng cộng:			2	danh mục											Giá trị:	934.500.000

5. Tên nhà thầu: Công ty TNHH TMTH Vinatradings

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
10	1	157	1	Tấm điện cực đôi	Tấm điện cực trung tính REM	E7509B	Covidien	Mỹ	Covidien LLC	Mỹ	600 cái/ hộp	Cái	2100719ĐKLH/BYT-TB-CT	7.200	84.000	604.800.000
Tổng cộng:			1	danh mục											Giá trị:	604.800.000

6. Tên nhà thầu: Công ty CP TM DV XNK Viên Phát

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
11	1	34	5	Bộ chăm sóc vết thương sử dụng 1 lần	Bộ chăm sóc vết thương	K0022	Viên Phát	Việt Nam	Viên Phát	Việt Nam	70 Bộ/hộp	Bộ	210000056/PCBA-HCM	4.500	29.400	132.300.000
12	2	35	6	Giấy gói dụng cụ, cỡ 80 x 80cm	Giấy gói (SMS) 80 x 80	N01W01	Viên Phát	Việt Nam	Viên Phát	Việt Nam	Hộp/200 tờ	Tờ	210000056/PCBA-HCM	34.000	9.660	328.440.000
13	3	98	3	Bộ khăn tổng quát	Bộ khăn tổng quát	00P01 (YD)	Viên Phát	Việt Nam	Viên Phát	Việt Nam	8 Bộ/Hộp	Bộ	210000056/PCBA-HCM	700	289.800	202.860.000
Tổng cộng:			3	danh mục											Giá trị:	663.600.000

7. Tên nhà thầu: Công ty TNHH IDS Medical Systems Việt Nam

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
14	1	156	3	Miếng gạc cầm máu kích thước 0.8 x 1.5" tấm Kaolin dùng trong can thiệp qua da đường quay	QuikClot Radial	374	Z-MEDICA LLC, Mỹ	Hoa Kỳ	Z-MEDICA LLC, Mỹ	Hoa Kỳ	1 cái/ Hộp	Cái	-	120	990.000	118.800.000
Tổng cộng:			1	danh mục											Giá trị:	118.800.000

8. Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Thương mại Dược Vật tư y tế Hà Nội

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
15	1	7	5	Băng cố định chóp xoay khớp vai sau phẫu thuật có gói đi kèm	Băng cố định khớp vai tư thế dạng H1	130	Công ty TNHH Hameco Hưng Yên/ ORBE	Việt Nam	ORBE	Việt Nam	Gói/1 cái	Cái	170001154/PCBA-HN	89	205.000	18.245.000
16	2	8	5	Đai cột sống lưng, chất liệu thun lưới	Đai thắt lưng cao cấp- Olumba	250	Công ty TNHH Hameco Hưng Yên/ ORBE	Việt Nam	ORBE	Việt Nam	Gói/1 cái	Cái	170001154/PCBA-HN	60	275.000	16.500.000
17	3	9	5	Nẹp cẳng tay	Nẹp cẳng tay H4	560; 570	Công ty TNHH Hameco Hưng Yên/ ORBE	Việt Nam	ORBE	Việt Nam	Gói/1 cái	Cái	170001154/PCBA-HN	51	110.000	5.610.000
Tổng cộng:			3	danh mục											Giá trị:	40.355.000

9. Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Đầu tư Hoàng Nguyên

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
18	1	10	5	Gạc phẫu thuật không cân quang, cỡ 10 x 10cm, 8 lớp	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 8 lớp vô trùng	GPTVT7	An Lành	Việt Nam	An Lành	Việt Nam	Gói/ 10 miếng	Miếng	220000004/PCBB-NĐ	500.000	535	267.500.000
Tổng cộng:			1	danh mục											Giá trị:	267.500.000

10. Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Thiết Bị Metech

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
19	1	12	6	Gạc xốp (foam) tự dính, cỡ 10 x 10 cm, dày 5 mm	Miếng Xốp tự dính Renofoam A 10 x10 cm	FS14EN01	T&L., Ltd	Hàn Quốc	T&L., Ltd	Hàn Quốc	Hộp/10 miếng	Miếng	220001518/PCBB-BYT	25	71.600	1.790.000
20	2	13	3	Túi chứa dịch có chất gel tạo đông, dùng cho máy hút áp lực âm, loại 250/1000ml	Túi chứa dịch thái 250ml / 1000ml	32900/32901	Lohmann & Rauscher GmbH - Đức	Cộng hòa Séc	Lohmann & Rauscher GmbH - Đức	Đức	Gói/Cái	Cái	180002289/PCBA-HN	60	1.290.000	77.400.000
Tổng cộng:			2	danh mục											Giá trị:	79.190.000

11. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thiết bị y tế Medent

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
21	1	117	3	Trụ phục hình thẩm mỹ 15° cho chân răng nhân tạo, các cỡ	15° Esthetic Abutment CC (Trụ phục hình thẩm mỹ 15°)	36784, 36785, 36667, 36668, 36672, 36673, 36815, 36250, 36252.	Nobel Biocare	Mỹ/ Thụy Điển	Nobel Biocare	Thụy Điển	Hộp/ cái	Cái	12103NK/BYT-TB-CT	25	4.830.000	120.750.000
Tổng cộng:			1	danh mục											Giá trị:	120.750.000

12. Tên nhà thầu: Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kỹ thuật Phúc Tín

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
22	1	108	4	Chỉ khâu không tiêu tự nhiên bằng kén tằm Bombyx Mori, đa sợi, 2/0 dài 75cm. 1 Kim tròn đầu tròn, dài 26mm, 1/2C	Chỉ không tan tự nhiên Trusilk số 2/0, dài 75cm, kim tròn 1/2C dài 26mm	5E75DZ26	Healthium Medtech	Ân Độ	Healthium Medtech	Ân Độ	Hộp/ 12 tệp	Tệp	8047NK/BYT-TB-CT	2.892	10.500	30.366.000
23	2	109	4	Chỉ không tiêu tự nhiên bằng kén tằm Bombyx Mori, đa sợi, số 3/0, dài khoảng 58-> 60cm, không kim	Chỉ không tan tự nhiên Trusilk số 3/0, dài 60cm, không kim, 10 sợi x 60cm	5F10X60	Healthium Medtech	Ân Độ	Healthium Medtech	Ân Độ	Hộp/ 12 tệp	Tệp	8047NK/BYT-TB-CT	1.000	21.000	21.000.000
Tổng cộng:			2	danh mục											Giá trị:	51.366.000

13. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Trang thiết bị và Vật tư y tế Hoàng Việt Long

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
24	1	54	6	Ông nội khí quản có bóng chèn, cỡ 3-> 8	Ông đặt nội khí quản có bóng các cỡ	038-971-0xx; 038-981-0xx	Flexicare Medical Limited	Anh	Flexicare Medical Limited	Anh	Hộp 10 bộ	Bộ	220000087/PCBB-HCM	5.000	25.200	126.000.000
25	2	55	6	Bộ dẫn truyền cảm ứng 1 đường theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn	Dụng cụ đo huyết áp động mạch xâm lấn 1 đường (DTX Plus PMSET 1DT-XX / M Stopcock)	685072; 688991	Merit Medical Singapore Pte, Ltd	Singapore	Merit Medical Systems, Inc	Mỹ	Hộp 5 bộ	Bộ	220000870/PCBB-HCM	500	346.500	173.250.000
26	3	56	6	Bộ dẫn truyền cảm ứng theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn, huyết áp tĩnh mạch, 2 đường	Dụng cụ đo huyết áp động mạch xâm lấn 2 đường (DTX Plus Gabarith 2DT-XX / M Stopcock)	682032; 688990	Merit Medical Singapore Pte, Ltd	Singapore	Merit Medical Systems, Inc	Mỹ	Hộp 5 bộ	Bộ	220000870/PCBB-HCM	150	672.000	100.800.000
27	4	57	6	Phin lọc vi khuẩn 3 chức năng, trẻ em	Lọc 3 chức năng (Vi khuẩn, vi rút, trao độ ẩm) có công đo CO2 (ThermoShield) trẻ	038-42-355	Flexicare Medical Limited	Anh	Flexicare Medical Limited	Anh	Thùng 50 cái	cái	170001925/PCBA-HCM	100	29.400	2.940.000
28	5	58	3	Bóng bóp giúp thở, không có van giảm áp, 1500ml	Bóng bóp giúp thở có công đo CO2 và MDI Flexicare 1500ml	038-71-940	Flexicare Medical Limited	Anh	Flexicare Medical Limited	Anh	Thùng 5 bộ	Bộ	180001414/PCBA-HCM	550	525.000	288.750.000
29	6	59	3	Thông khí bằng nhựa, các cỡ	Thanh chắn lưỡi (Airway) các cỡ	038-9x-9xx	Flexicare Medical Limited	Anh	Flexicare Medical Limited	Anh	Thùng 50 cái	Cái	220001367/PCBA-HCM	6.000	7.665	45.990.000
Tổng cộng:			6	đánh mục											Giá trị:	737.730.000

14. Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Trang thiết bị y tế Trọng Tín

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
30	1	75	6	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường, bằng polyurethane 4.5/5.5fr dài 6cm/8cm/13cm	Catheter tĩnh mạch trung tâm VenX 4.5F 3L 6cm, 5.5F 3L 8/13cm	BCVC 4.503xx BCVC 5.503xx	Bllifesciences	Ấn Độ	Bllifesciences	Ấn Độ	5 Bộ/ Hộp	Bộ	-	50	734.790	36.739.500
31	2	76	3	Ông nội khí quản lò xo công mũi miệng có bóng chèn bằng Polyvinylclorua, cỡ 3.0 -> 8.0Fr	Ông nội khí quản thân ông phủ silicon, có lò xo, bóng thể tích lớn áp lực thấp, các cỡ 3-9	12-xx10	Sumi	Ba Lan	Sumi	Ba Lan	Hộp/10 bộ	Bộ	220000636/PCBB-HCM	200	209.790	41.958.000

1002

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
32	3	77	6	Ông hút đàm có khóa kiểm soát, cỡ 6- > 10Fr	Dây hút đàm có van kiểm soát ComforSoft các cỡ	BSUxx	Symphon	Đài Loan	Symphon	Đài Loan	Bịch 100 cái	Cái	220000516/PCBB-HCM	6.400	2.709	17.337.600
33	4	78	6	Ông nối chữ Y, các cỡ	Có nối 3 nhánh chữ Y PerfX có hoặc không có khóa luer	BCN-YxxxL	Bllifesciences	Ấn Độ	Bllifesciences	Ấn Độ	25 Cái/Hộp	Cái	220001467/PCBB-HCM	200	83.790	16.758.000
34	5	79	3	Bộ mở khí quản 2 nòng dùng mở khí quản qua da, đường kính trong 7-> 9mm	Bộ mở khí quản ULTRAperc qua da (MKQ tại giường ICU)	100/561/0x0	Smiths	Anh Quốc	Smiths	Hoa Kỳ	hộp/ 1 bộ	Bộ	220000308/PCBB-HCM	47	6.300.000	296.100.000
Tổng cộng:			5	danh mục											Giá trị:	408.893.100

15. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Dược phẩm B.H.C

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
35	1	40	6	Bột ngăn ngừa tổn thương da dùng cho hậu môn nhân tạo	Bột bảo vệ da quanh hậu môn nhân tạo Stomahesive Protective Powder 28,3g	25510	Pharmapac (UK) Ltd	Anh	ConvaTec Limited	Anh	Hộp/1 chai	Chai	190001538/PCBA-HCM	128	177.000	22.656.000
36	2	41	4	Keo làm đầy và chống rò rỉ dùng cho hậu môn nhân tạo	Keo làm đầy dành cho hậu môn nhân tạo Stomahesive Paste 56,7g	183910	ConvaTec Dominican Republic, Inc.	Dominican Republic	ConvaTec Limited	Anh	Hộp/1 ống	ống	170002692/PCBA-HCM	128	158.500	20.288.000
Tổng cộng:			2	danh mục											Giá trị:	42.944.000

16. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Mega Lifesciences Việt Nam

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
37	1	67	3	Túi đựng dung dịch nuôi dưỡng, 1000ml	KANGAROOTM GRAVITY FEEDING BAG 1000 ML (8884702500)	8884702500	Covidien	Mexico	Cardinal Health	Mỹ	Hộp/30 cái	Cái	220001248/PCBA-HCM	450	66.150	29.767.500
38	2	68	3	Đầu đo cung lượng tim tương thích với monitor EV 1000	FLOTRAC SENSOR (MHD6)	MHD6	Edwards Lifesciences AG	Dominican Republic	Edwards Lifesciences LLC	Mỹ	Hộp 1 bộ	Bộ	13649NK/BYT-TB-CT	50	6.500.000	325.000.000

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
39	3	69	3	Dây cáp đo huyết áp động mạch xâm lấn, tương thích máy EV1000	TRUWAVE DISPOSABLE PRESSURE TRANSDUCER (PX260)	PX260	Edwards Lifesciences AG	Dominican Republic	Edwards Lifesciences LLC	Mỹ	Hộp 10 cái/bộ	Bộ	220000505/PCBB-BYT	55	458.955	25.242.525
Tổng cộng:			3	danh mục											Giá trị:	380.010.025

17. Tên nhà thầu: Công ty CP TBYT CTH

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
40	1	97	3	Buồng tiêm truyền hóa chất cấy dưới da, cỡ 5Fr	Buồng tiêm truyền cấy dưới da NuPort-LP-CT F5.0 (PUR) + Introducer, kèm 01 kim dùng cho buồng tiêm truyền.	LPA-005IP	Buồng: PHS Medical Kim: ISO MED	Buồng: Đức Kim: Pháp	Buồng: PHS Medical Kim: ISO MED	Buồng: Đức Kim: Pháp	Hộp 1 bộ	Bộ	12354NK/ BYT-TB-CT	12	8.900.000	106.800.000
Tổng cộng:			1	danh mục											Giá trị:	106.800.000

18. Tên nhà thầu: Liên danh Công ty TNHH Thương mại Diên Niên và Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hạnh Minh

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
41	1	27	3	Khóa đi kèm dây dẫn, 1 nhánh	BD SmartSite™ Extension Set One Needle Free Valve	20039E7D	Sistemas Medicos Alaris S.A. de C.V	Mexico	BD Switzerland Sàrl	Thụy Sĩ	Hộp/100 cái	Cái	220000250/PCBB-BYT	15.000	44.000	660.000.000
42	2	28	3	Khóa đi kèm dây dẫn, 2 nhánh	BD SmartSite™ "Y" Extension Set 2 Needle- Free Valves	20019E7D	Sistemas Medicos Alaris S.A. de C.V	Mexico	BD Switzerland Sàrl	Thụy Sĩ	Hộp/100 cái	Cái	220000250/PCBB-BYT	38.000	78.000	2.964.000.000
43	3	29	3	Khóa đi kèm dây dẫn, 3 nhánh	BD SmartSite™ Extension Set 3 Needle- Free Valves	20038E7D	Sistemas Medicos Alaris S.A. de C.V	Mexico	BD Switzerland Sàrl	Thụy Sĩ	Hộp/100 cái	Cái	220000250/PCBB-BYT	2.500	126.000	315.000.000

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
44	4	31	4	Túi ép phồng, cỡ 250mm x 65mm x 100 m	8758 túi ép phồng tiết trùng	8758	PMS TIBBI CIHAZLAR TEKNOLOJISI SAN. VETIC. A.S	Thổ Nhĩ Kỳ	3M Deutschland	Đức	Thùng/4 cuộn	Cuộn	180000518/PCBA-HCM	50	1.468.000	73.400.000
45	5	32	4	Túi ép phồng, cỡ 350mm x 80mm x 100 m	8762 túi ép phồng tiết trùng	8762	PMS TIBBI CIHAZLAR TEKNOLOJISI SAN. VETIC. A.S	Thổ Nhĩ Kỳ	3M Deutschland	Đức	Thùng/2 cuộn	Cuộn	180000518/PCBA-HCM	6	2.048.000	12.288.000
Tổng cộng:			5	danh mục											Giá trị:	4.024.688.000

19. Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương Codupha

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
46	1	43	4	Kim sinh thiết, cỡ 12-> 20G, dài 10-> 20cm	Kim sinh thiết mô mềm Magnum	MN1210 ; MN1213 ; MN1216 ; MN1220 ; MN1410 ; MN1413 ; MN1416 ; MN1420 ; MN1610 ; MN1613 ; MN1616 ; MN1620 ; MN1810 ; MN1813 ; MN1816 ; MN1820 ; MN1825 ; MN1830 ; MN2010 ; MN2013 ; MN2016 ; MN2020 ;	Bard Reynosa S.A. DE C.V.	Mexico	Bard Peripheral Vascular, Inc.	Mỹ	Hộp/10 cái	Cái	220000628/PCBB-BYT	644	720.000	463.680.000
47	2	44	6	Găng tay sạch, dài 450-> 500mm	GĂNG SÀN KHOA CHỮA TIẾT TRÙNG	GSK	Nam Tín	Việt Nam	Nam Tín	Việt Nam	Gói/10 đôi	Đôi	170002177/PCBA-HCM	1.500	10.290	15.435.000
Tổng cộng:			2	danh mục											Giá trị:	479.115.000

20. Tên nhà thầu: Công ty TNHH VTYT Phương Lan

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
48	1	104	3	Clip mạch máu cỡ 2.08x2.87mm	Clip kẹp mạch máu Weck Horizon Ligating Clips	001201	Hudson Respiratory Care Tecate S.De R.L De C.v	Mexico	Teleflex Medical	Mỹ	VI/ 6 cái	Cái	18395NK/BYT-TB-CT	3.480	50.000	174.000.000

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
49	2	105	3	Clip mạch máu cỡ 3.08x4.68mm	Clip kẹp mạch máu Weck Horizon Ligating Clips	002200	Hudson Respiratory Care Tecate S.De R.L De C.v	Mexico	Teleflex Medical	Mỹ	VII 6 cái	Cái	18395NK/BYT-TB-CT	900	40.000	36.000.000
50	3	106	3	Chất làm đầy nếp nhăn và xóa thâm vùng mắt, bọng dưới mắt	Chất làm đầy da (Teosyal PureSense Redensity II)	TSRL-A1; TSRL-A3;	Teoxane S.A	Thụy Sĩ	Teoxane S.A.	Thụy Sĩ	Hộp / 2 ống x 1ml	ống	9879NK/BYT-TB-CT	20	4.675.000	93.500.000
51	4	107	3	Chất làm đầy và làm ẩm dành cho vùng hạ bì	Chất làm đầy da (Teosyal PureSense Redensity I)	TSMS+L-A1; TSMS+L-B1; TSMS+L-A3; TSMS+L-B3;	Teoxane S.A	Thụy Sĩ	Teoxane S.A.	Thụy Sĩ	Hộp / 2 ống x 1ml	ống	9879NK/BYT-TB-CT	20	2.530.000	50.600.000
Tổng cộng:			4	danh mục											Giá trị:	354.100.000

21. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Dược phẩm Phương Phương

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
52	1	99	2	Chỉ khâu tiêu chậm bằng polyglyconate, đơn sợi có gai số 0, dài 30cm, 1 kim tròn 1/2C, dài 37mm	Chỉ tan đơn sợi có gai không cần buộc VLOC số 0 dài 30cm, kim tròn đầu nhọn GS-21, 1/2C, 37mm. Chỉ giữ vết thương 21 ngày.	VLOCL0316	Covidien	Mỹ	Covidien LLC	Mỹ	12 tép/hộp	tép	11234NK/BYT-TB-CT	120	528.000	63.360.000
53	2	100	3	Chất làm đầy dành cho vùng da trung bì	Chất làm đầy dành cho vùng da trung bì (Restylane Lidocaine 1ml)	100764634	Q-Med AB	Thụy điển	Galderma	Thụy điển	Hộp/ 1 ống ống/1ml	ống	-	60	4.179.000	250.740.000
54	3	101	3	Chất làm đầy dành cho vùng da trung bì sâu	Chất làm đầy dành cho vùng da trung bì sâu (Restylane Lyft Lidocaine 1ml)	100873207	Q-Med AB	Thụy điển	Galderma	Thụy điển	Hộp/ 1 ống ống/1ml	ống	5702NK/BYT-TB-CT	65	5.103.000	331.695.000

Handwritten signature/initials

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
55	4	102	3	Chất làm đầy trẻ hóa da	Chất làm đầy trẻ hóa da (Restylane Skinboost Vital Lidocaine 1ml)	100764641	Q-Med AB	Thụy điển	Galderma	Thụy điển	Hộp/ 1 ống ống/1ml	ống	-	50	3.690.000	184.500.000
56	5	103	1	Chỉ khâu tiêu trung bình bằng Lactomer 9-1, đa sợi, 3/0 dài 75cm. 1 Kim tròn đầu nhọn, dài 26mm, 1/2C	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polysorb số 3-0 dài 75cm, kim tròn đầu nhọn V-20 1/2C, 26mm	GL-122	Covidien	Mỹ	Covidien LLC	Mỹ	36 tép/hộp	Tép	11234NK/BYT-TB-CT	3.000	64.000	192.000.000
Tổng cộng:			5	danh mục											Giá trị:	1.022.295.000

22. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Đầu tư và Công nghệ y tế Gia Ngọc

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
57	1	70	3	Túi đặt ngực hình tròn bề mặt trơn các cỡ	Túi đặt ngực Memory tròn trơn, TB, cao.	350/1501BC, 350/1751BC, 350/2001BC, 350/2251BC, 350/2501BC, 350/2751BC, 350/3001BC, 350/3251BC, 350/3501BC, 350/3751BC, 350/1504BC, 350/1754BC, 350/2254BC, 350/2504BC, 350/2754BC, 350/3004BC, 350/3254BC, 350/3504BC, 350/3754BC	Mentor	Hoa Kỳ	Mentor	Hoa Kỳ	Hộp/1 cái	Cái	10720NK/BYT-TB-CT	64	6.930.000	443.520.000
Tổng cộng:			1	danh mục											Giá trị:	443.520.000

23. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Trang Thiết Bị Nha Khoa

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
58	1	120	3	Cây bóc tách nha khoa	Dụng cụ dùng trong nha khoa: Dụng cụ bóc tách nướu - Periosteal (PPBUSER6)	Periosteal/ PPBUSER6	Hu-Friedy Mfg. Co LLC	Hoa Kỳ	Hu-Friedy Mfg. Co LLC	Hoa Kỳ	Gói/1 cái	Cái	180001234/PCBA-HCM	17	2.250.000	38.250.000

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
59	2	121	6	Cọ tẩy bóng bởi keo trám răng	Dụng cụ dùng trong nha khoa: Dụng cụ bôi (quét) composite - Disposable Resin Applicators (95031A)	95031A	Peng Waves Enterprise Co. Ltd	Đài Loan (Trung Quốc)	Peng Waves Enterprise Co. Ltd	Đài Loan (Trung Quốc)	Lọ/100 cái	Cái	170002929/PCBA-HCM	4.000	950	3.800.000
60	3	122	Không phân nhóm	Đầu bơm cao su lấy dấu loại nhẹ	Dụng cụ dùng trong nha khoa: Đầu dụng cụ bơm composite - Impression Mixing Tips (95014B)	Impression Mixing Tips (Model: 95014B)	Peng Waves Enterprise Co. Ltd	Đài Loan (Trung Quốc)	Peng Waves Enterprise Co. Ltd	Đài Loan (Trung Quốc)	Gói/100 cái	Cái	170002929/PCBA-HCM	1.000	3.000	3.000.000
61	4	124	3	Mắc cài kim loại dành cho răng nanh và răng hàm	Mắc cài chỉnh hình răng - One-piece Braces (944-102L, 944-102R, 944-1120, 944-202L, 944-202R, 944-302L, 944-302R, 944-312L, 944-312R, 944-4040, 944-4140, 944-5140)	One-piece Braces	Tomy Inc.,	Nhật bản	Tomy Inc.,	Nhật bản	Bộ/20 cái	Bộ	6248NK/BYT-TB-CT	20	1.448.000	28.960.000
62	5	125	3	Vật liệu cảm màu nước	Vật liệu trám răng- Viscostat Clear (645-1)	ViscoStat Clear/ 645-1	Ultradent Products Inc	Hoa Kỳ	Ultradent Products Inc	Hoa Kỳ	Hộp/ 1 ống	Ống	5808NK/BYT-TB-CT	3	183.000	549.000
Tổng cộng:			5	danh mục											Giá trị:	74.559.000

24. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Thời Thanh Bình

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
63	1	42	5	Gạc tẩy cồn	Gạc tẩy cồn 5 x 6cm, 4 lớp	5x6-4L	Thời Thanh Bình	Việt Nam	Thời Thanh Bình	Việt Nam	Hộp/ 100 miếng	Miếng	200001122/PCBA-HCM	900.000	193	173.700.000
Tổng cộng:			1	danh mục											Giá trị:	173.700.000

25. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thiết bị y tế DMED

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
64	1	48	4	Buồng làm ấm và dây thờ có kiểm soát nhiệt	Bộ bình làm ấm và dây thờ có kiểm soát nhiệt độ (Bộ Kit gồm dây thờ và bình làm ấm, ấm	900PT561	Fisher & Paykel	New Zealand	Fisher & Paykel	New Zealand	Gói/cái	cái	220001928/PCBB-BYT	180	1.750.000	315.000.000

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
65	2	49	4	Ống thở oxy tương thích máy thở oxy dòng cao (HFNC) AIRVO 2 (F&P)	Ống thở oxy (cannula) dòng cao qua mũi	OPT942/ OPT944/ OPT946	Fisher & Paykel	New Zealand	Fisher & Paykel	New Zealand	Gói/cái	cái	220001927/PCBB-BYT	180	620.000	111.600.000
Tổng cộng:			2	danh mục											Giá trị:	426.600.000

26. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Đạt Phú Lợi

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
66	1	21	3	Gạc che xung quanh ống mở khí quản	Gạc đặt xung quanh ống mở khí quản Metalline, 8x9cm	23094	Lohmann & Rauscher GmbH & Co.KG	Đức	Lohmann & Rauscher International GmbH & Co.KG	Đức	Gói/ 1 miếng	Miếng	190000351/PCBA-HCM	450	9.450	4.252.500
67	2	22	3	Túi hậu môn nhân tạo, 1 mảnh, có khóa cuộn và bộ lọc khí	Túi phân một mảnh có bộ lọc khí và khóa cuộn	8331	Hollister incorporated	Mỹ	Hollister incorporated	Mỹ	Hộp/10 cái	Cái	190000221/PCBA-HCM	300	89.250	26.775.000
68	3	23	3	Túi hậu môn nhân tạo, 2 mảnh, có khóa cuộn và bộ lọc khí	Túi chứa phân Hollister 70mm có bộ lọc khí và khóa cuộn	18194	Hollister incorporated	Mỹ	Hollister incorporated	Mỹ	Hộp/10 cái	Cái	190000222/PCBA-HCM	250	48.000	12.000.000
69	4	24	4	Dây nịt túi hậu môn nhân tạo	Dây nịt Hollister	7300	Sei Medical S.A, de C.V.	Mexico	Hollister incorporated	Mỹ	Hộp/1 Cái	Cái	190000221/PCBA-HCM	38	90.000	3.420.000
70	5	25	3	Đế băng dán túi hậu môn nhân tạo 2 mảnh	Đế băng hậu môn nhân tạo có băng keo Hollister 70mm	14604	Hollister incorporated	Mỹ	Hollister incorporated	Mỹ	Hộp/ 5 Cái	Cái	190000222/PCBA-HCM	380	65.100	24.738.000

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
71	6	26	3	Đế lồi hậu môn nhân tạo 2 mảnh	Đế lồi hậu môn nhân tạo có băng keo Hollister 70mm	14804	Hollister incorporated	Mỹ	Hollister incorporated	Mỹ	Hộp/ 5 Cái	Cái	190000222/PCBA-HCM	70	78.000	5.460.000
Tổng cộng:			6	danh mục											Giá trị:	76.645.500

27. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Hoàng Ánh Dương

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
72	1	14	3	Kim luồn mạch máu an toàn, thời gian lưu đến 3-5 ngày, các cỡ	VASOFIX SAFETY FEP 18G,1.75 IN.,1.3X45MM-AP VASOFIX SAFETY FEP 20G,1.25 IN.,1.1X33MM-AP VASOFIX	4268130S-03 4268113S-03 4268091S-03	B. Braun Medical Industries Sdn. Bhd.	Malaysia	B.Braun Melsungen AG	Đức	Hộp/50 cái	Cái	220000026/PCBB-BYT	20.000	15.330	306.600.000
73	2	15	3	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường bằng polyurethane, phủ thuốc polyhexanide, 7Fr, dài 20cm	CERTOFIX PROTECT TRIO V 720	4163214P	B.Braun Melsungen AG	Đức	B.Braun Melsungen AG, Germany	Đức	Hộp/10 cái	Cái	-	300	900.900	270.270.000
74	3	16	3	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường, bằng Polyurethan, cỡ 7Fr, dài 15-> 20cm	CERTOFIX TRIO 720	4163206E	B.Braun Melsungen AG	Đức	B.Braun Melsungen AG, Germany	Đức	Hộp/10 cái	Cái	-	120	529.200	63.504.000
75	4	17	3	Dao mổ cứng mạc, 15 độ	Lưỡi dao rạch vi phẫu cho mắt 15 độ Incision Knife Feather	P-715	Feather Safety Razor Co., Ltd.	Nhật	Feather Safety Razor Co., Ltd.	Nhật	Hộp/ 5 bộ	Bộ	220001416/PCBB-BYT	100	95.550	9.555.000
76	5	159	1	Bộ gây tê ngoài màng cứng, cỡ 18G x 3 1/4"	PERIFIX ONE 421 COMPLETE SET	4514211C	B.Braun Melsungen AG	Đức	B.Braun Melsungen AG	Đức	Hộp 10 bộ	Bộ	-	1.500	285.650	428.475.000
Tổng cộng:			5	danh mục											Giá trị:	1.078.404.000

28. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thiết bị y tế Y Phương

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
77	1	60	3	Gạc hydrogel, kích cỡ 10 x 10cm	ASKINA TRANSORBENT 10cm x 10cm	0072789U	B. Braun Hospicare Ltd	Ireland	B. Braun Hospicare Ltd	Ireland	Hộp/5 miếng	Miếng	-	115	82.845	9.527.175

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
78	2	61	3	Gạc hydrogel, kích cỡ 15 x 15cm	ASKINA TRANSORBENT 15cm x 15cm	0072790V	B. Braun Hospicare Ltd	Ireland	B. Braun Hospicare Ltd	Ireland	Hộp/5 miếng	Miếng	-	385	113.001	43.505.385
79	3	62	6	Gạc xốp (foam), cỡ 10x10cm	ASKINA FOAM 10 x10cm	7241010	B. Braun Hospicare Ltd	Ireland	B. Braun Hospicare Ltd	Ireland	Hộp/ 10 miếng	Miếng	-	640	63.000	40.320.000
80	4	63	3	Túi chứa và dẫn lưu dịch	FLEXIMA URO SILK TRANSP 12-55	044913A	B.Braun Medical SAS	Pháp	B.Braun Medical SAS	Pháp	Hộp/30 Cái	Cái	170000430/PCBA-HN	500	101.493	50.746.500
81	5	112	3	Chỉ khâu tiêu nhanh bằng Glyconate, đơn sợi số 4/0, dài 45cm, 1 kim thép không gỉ 3/8C dài 19mm	MONOSYN QUICK UND4/0(1,5)45CM DGMP19	C0025804	B. Braun Surgical	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Hộp/36 tệp	tệp	10022NK/BYT-TB-CT	180	90.510	16.291.800
82	6	113	4	Chỉ khâu tiêu chậm tổng hợp đa sợi bằng polyglactin 910, số 1, dài 70cm, 1 kim tròn 1/2C, dài 30mm	NOVOSYN CHD VIOL 1 (4) 70CM HR30S (M)DDP	C1068549	B. Braun Surgical	Tây Ban Nha	B. Braun Surgical S.A	Tây Ban Nha	Hộp/ 36 tệp	Tệp	17089NK/BYT-TB-CT	4.100	107.205	439.540.500
Tổng cộng:			6	danh mục											Giá trị:	599.931.360

29. Tên nhà thầu: Công ty TNHH GPKH Làn Da

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
83	1	111	3	Chất làm đầy và làm ẩm dành cho vùng da trung bì	Chất làm đầy da	Bioregen	Regenyal Laboratories S.r.l	Italy	Regenyal Laboratories S.r.l	Italy	Hộp 3 ống/ 1ml	ống	10058NK/BYT-TB-CT	18	3.300.000	59.400.000
Tổng cộng:			1	danh mục											Giá trị:	59.400.000

30. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Y tế Việt Tiến

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
84	1	46	6	Bơm tiêm đầu xoắn, 3ml	NIPRO Disposable Syringe without needle 3ML luer lock	0404001101	Nipro (Thailand) Corporation Limited	Thái Lan	Nipro (Thailand) Corporation Limited	Thái Lan	Hộp/100 cái	Cái	220001383/PCBB-HCM	7.000	1.640	11.480.000

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
85	2	47	3	Khóa ba ngã	NIPRO STOPCOCK 3W-R - L	0408000603	Nipro Corporation Odate Factory	Nhật Bản	Nipro Corporation	Nhật Bản	Hộp/50 cái	Cái	220000530/PCBB-HCM	50.000	8.400	420.000.000
Tổng cộng:			2	danh mục											Giá trị:	431.480.000

31. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Dược Kim Đô

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
86	1	80	6	Băng thun 15cm, chiều dài không kéo dãn 180 - 220cm	Urgoband 15cm x 4,5m	691318/550545	Urgo Healthcare Products Co., Ltd.	Thái Lan	Urgo Healthcare Products Co., Ltd.	Thái Lan	Gói/ 1 cuộn	Cuộn	170000216/PCBA-HCM	1.200	31.200	37.440.000
87	2	81	6	Băng dính, dạng giấy, 2.5cm x 5m	Urgopore 2.5cm x 5m	696775/550607	Urgo Healthcare Products Co., Ltd.	Thái Lan	Urgo Healthcare Products Co., Ltd.	Thái Lan	Hộp 1 cuộn	Cuộn	170000207/PCBA-HCM	2.000	16.200	32.400.000
88	3	82	3	Gạc xốp lipido-colloid, 10 x 10cm	Urgostart (Micro-Adhesive) 10cm x 10cm	503853	Laboratoires Urgo	Pháp	Laboratoires Urgo	Pháp	Hộp 10 miếng	Miếng	-	25	197.000	4.925.000
89	4	83	3	Gạc lưới, cỡ 10 x 10cm	Urgotul 10cm x 10cm	550273	Laboratoires Urgo	Pháp	Laboratoires Urgo	Pháp	Hộp 10 miếng	Miếng	-	900	34.200	30.780.000
Tổng cộng:			4	danh mục											Giá trị:	105.545.000

32. Tên nhà thầu: Tổng Công ty Thiết bị y tế Việt Nam CTCP

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
90	1	72	5	Túi ép dẹp, cỡ 100mm x 200mm	Túi tiết trùng cuộn dẹp 10cm*200m(F)	05MFSR100200(F)	Tổng Công ty TBYT Việt Nam - CTCP - Nhà máy nhựa y tế Medioplast	Việt Nam	Tổng Công ty TBYT Việt Nam - CTCP	Việt Nam	Thùng/6 cuộn	Cuộn	180001719/PCBA-HN	40	400.000	16.000.000

Handwritten signature/initials

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
91	2	73	5	Túi ép dẹp, cỡ 200mm x 200mm	Túi tiết trùng cuộn dẹp 20cm*200m(F)	05MFSR200200(F)	Tổng Công ty TBYT Việt Nam - CTCP - Nhà máy nhựa y tế Mediplast	Việt Nam	Tổng Công ty TBYT Việt Nam - CTCP	Việt Nam	Thùng/2 cuộn	Cuộn	180001719/PCBA-HN	80	760.000	60.800.000
92	3	74	5	Túi ép phẳng, cỡ 200mm x 55/60mm x 100mm	Túi tiết trùng cuộn phẳng 20cm*6cm*100m(F)	05MGSR20060100(F)	Tổng Công ty TBYT Việt Nam - CTCP - Nhà máy nhựa y tế Mediplast	Việt Nam	Tổng Công ty TBYT Việt Nam - CTCP	Việt Nam	Thùng/2 cuộn	Cuộn	180001719/PCBA-HN	80	567.000	45.360.000
Tổng cộng:			3	danh mục											Giá trị:	122.160.000

33. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật An Pha

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
93	1	84	3	Bảng dính trong suốt cố định kim lượn, 3.8 x 4.5cm	Bảng phim trong vô trùng không thấm nước 3M Tegaderm I.V	1680	3M Company	Hoa Kỳ	3M	Mỹ	Hộp/ 100 miếng	Miếng	170000877/PCBA-HCM	1.200	20.000	24.000.000
Tổng cộng:			1	danh mục											Giá trị:	24.000.000

34. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Y Nha khoa 3D

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
94	1	126	6	Nẹp mini cố định vùng hàm mặt, thẳng 18 lỗ	Nẹp cố định OST310M18	OST310M18	Osteonic	Hàn Quốc	Osteonic	Hàn Quốc	Gói/1 cái	Cái	10922NK/BYT-TB-CT	30	920.000	27.600.000
95	2	127	6	Bản sao chân răng cấy ghép	Bản sao chân răng	CN/CS/CW-RSM10	Mis Implants Technologies Ltd.	Israel	Mis Implants Technologies Ltd.	Israel	Gói/1 cái	Cái	220002112/PCBB-BYT	60	779.000	46.740.000
96	3	128	6	Bản sao thân răng cấy ghép, khay đóng	Cây lấy dấu khay đóng	CN/CS/CW-Iboxx	Mis Implants Technologies Ltd.	Israel	Mis Implants Technologies Ltd.	Israel	Gói/1 cái	Cái	220002112/PCBB-BYT	120	962.000	115.440.000
97	4	129	6	Bản sao thân răng cấy ghép, khay mở	Cây lấy dấu khay mở	CN/CS/CW-I0xxx CN/CS/CW-I0xxx	Mis Implants Technologies Ltd.	Israel	Mis Implants Technologies Ltd.	Israel	Gói/1 cái	Cái	220002112/PCBB-BYT	90	962.000	86.580.000

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
98	5	130	6	Vật liệu cấy ghép xương xốp dị, dạng hạt 1.8cc	Vật liệu cấy ghép tái tạo xương hư tổn	BG-B05	Purgo Biologics Inc	Hàn Quốc	Purgo Biologics Inc	Hàn Quốc	Hộp/0.5g	Hộp	10725NK/BYT-TB-CT	25	2.922.000	73.050.000
99	6	131	1	Mắc cài sứ	Mắc cài chỉnh nha sứ	003-111	3M Unitek Orthodontic Products	Mỹ	3M Unitek Orthodontic Products	Mỹ	Bộ/ 20 cái	Bộ	220001145/PCBB-BYT	30	10.050.000	301.500.000
100	7	132	3	Màng bao phủ cấy ghép tái tạo xương hư tổn, (15 x 20)mm	Màng bao phủ cấy ghép tái tạo xương hư tổn	5096000	Collagen Matrix, Inc	Mỹ	ACE Surgical Supply Co., Inc.	Mỹ	Gói / 1 cái	Cái	10924NK/BYT-TB-CT	11	2.495.000	27.445.000
101	8	133	3	Màng bao phủ cấy ghép tái tạo xương hư tổn,(30 x 40)mm	Màng bao phủ cấy ghép tái tạo xương hư tổn	5098000	Collagen Matrix, Inc	Mỹ	ACE Surgical Supply Co., Inc.	Mỹ	Hộp/ 1 miếng	Miếng	10924NK/BYT-TB-CT	6	4.990.000	29.940.000
102	9	134	6	Nắp chụp lạnh thương cấy ghép kết nối côn các cỡ	Nắp chụp lạnh thương cấy ghép kết nối côn	CN-H0/HS/HAxxx CS-H0/HSxxx VS-HSxxx CW-HA/HSxxx	Mis Implants Technologies Ltd.	Israel	Mis Implants Technologies Ltd.	Israel	Gói/1 cái	Cái	10749NK/BYT-TB-CT	129	742.000	95.718.000
103	10	135	6	Thân trụ răng cấy ghép implant, kết nối côn	Thân trụ răng cấy ghép kết nối côn	CN/CS-Mxxxx CW-Mxxxx VN-Mxxxx CW-Sxxxx CN/CS/CW-CPKxxx VN-Pxxxx CN/CS-Axxxx CW/VS-Axxxx VN-Axxxx	Mis Implants Technologies Ltd.	Israel	Mis Implants Technologies Ltd.	Israel	Gói/1 cái	Cái	10738NK/BYT-TB-CT	103	1.854.000	190.962.000
104	11	136	3	Thun kéo mắc cài các cỡ	Thun chỉnh nha Unitek các loại	404-xxx	3M Unitek Orthodontic Products	Mỹ	3M Unitek Orthodontic Products	Mỹ	Hộp/ 30 gói	Hộp	170002223/PCBA-HCM	38	600.000	22.800.000
105	12	137	6	Trụ phục hình cho thân trụ răng đa hướng, kết nối côn, thẳng	Thân trụ răng đa hướng thẳng kết nối côn	CM-Nxxxx CM-Sxxxx CM-Wxxxx	Mis Implants Technologies Ltd.	Israel	Mis Implants Technologies Ltd.	Israel	Gói/1 cái	Cái	10739NK/BYT-TB-CT	19	1.929.500	36.660.500
106	13	138	6	Vật liệu cấy ghép chân răng C1	Vật liệu cấy ghép chân răng C1	C1-xxxxx	Mis Implants Technologies Ltd.	Israel	Mis Implants Technologies Ltd.	Israel	Hộp/ 1 cái	Cái	10742NK/BYT-TB-CT	154	4.650.000	716.100.000
Tổng cộng:			13	danh mục											Giá trị:	1.770.535.500

35. Tên nhà thầu: Công ty TNHH DV TM Hoàng Bình

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
107	1	95	6	Chỉ khâu liền kim dùng nâng cơ thẩm mỹ, cỡ kim 19G, dài 100mm/200mm	Chỉ khâu phẫu thuật khử trùng liền kim L-F-19-40	L-F-19-40	21 Century Medical Co., Ltd	Hàn Quốc	21 Century Medical Co., Ltd	Hàn Quốc	tép/ 4 cây	Cây	15127NK/BYT-TB-CT	120	250.000	30.000.000
Tổng cộng:			1	danh mục											Giá trị:	30.000.000

36. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thiết bị y tế Phương Đông

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
108	1	45	6	Quả lọc thận nhân tạo dùng lọc máu liên tục cho người bệnh trẻ em từ 11 - 25kg đang suy thận cấp	Bộ quả lọc máu liên tục Prismaflex M60	106696	Gambro Industries	Pháp	Gambro Industries	Pháp	Thùng/ 4 bộ	Bộ	2100772ĐKLH/BYT-TB-CT	15	6.600.000	99.000.000
Tổng cộng:			1	danh mục											Giá trị:	99.000.000

37. Tên nhà thầu: Công ty CP DP Trung Ương CPC1

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
109	1	158	1	Quả lọc thận nhân tạo loại Lowflux, màng lọc 1.6 m2, hệ số siêu lọc 14 ml/h/mmHg	DIACAP PRO 16L	720DL16	B. Braun Avitum Saxonia GmbH	Đức	B. Braun Avitum Saxonia GmbH	Đức	Thùng/20 quả	Quả	-	250	291.900	72.975.000
Tổng cộng:			1	danh mục											Giá trị:	72.975.000

38. Tên nhà thầu: Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
110	1	4	3	Túi ép đóng gói dụng cụ, cỡ 200mm x 70m	Cuộn Tyvek đựng dụng cụ tiệt khuẩn với chỉ thị hóa học STERRAD	12420	Amcort Flexibles SPS	Pháp	Advanced Sterilization Products Inc	Mỹ	Thùng/4 cuộn	Cuộn	200002136/PCBA-HCM	180	2.707.698	487.385.640

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
111	2	96	3	Vật liệu cầm máu tự tan, bằng Cellulose dạng bông xốp nhiều lớp, 5.1 x 10.2cm.	Vật liệu cầm máu SURGICEL FIBRILLAR dạng bông xốp tự tiêu, có tính kháng khuẩn, bằng cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated)	1962	Ethicon, LLC	Mỹ	Ethicon, LLC	Mỹ	Hộp/10 miếng	Miếng	10035NK/BYT-TB-CT	1.200	540.120	648.144.000
Tổng cộng:			2	danh mục											Giá trị:	1.135.529.640

39. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Dược phẩm Thiên Bảo Nguyên

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
112	1	50	3	Kim chọc động tĩnh mạch, 18G, dài 70mm	Intradyn puncture needle 18G 1.3x70mm	5208505	Aesculap Chifa Sp.z o.o.	Ba Lan	B. Braun Melsungen AG	Đức	Hộp/ 50 cái	Cái	10436NK/BYT-TB-CT	400	33.600	13.440.000
Tổng cộng:			1	danh mục											Giá trị:	13.440.000

40. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Một Thành Viên Công Nghệ Cao Và Thương Mại Quốc Tế Hải Long

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
113	1	139	3	Cây đục xương	Cây đục xương	14413	YDM Corporation	Nhật	YDM Corporation	Nhật	Gói/1 cái	Cái	180000550/PCBA-HCM	7	1.876.000	13.132.000
114	2	140	3	Cây giữ xương trong phẫu thuật hàm mặt	Cây giữ xương	14411, 14412	YDM Corporation	Nhật	YDM Corporation	Nhật	Gói/1 cái	Cái	180000550/PCBA-HCM	10	1.876.000	18.760.000
115	3	141	3	Cây móc phẫu thuật nha khoa	Wound Retractor	15315, 15316	YDM Corporation	Nhật	YDM Corporation	Nhật	Gói/1 cái	Cái	180000550/PCBA-HCM	10	1.089.000	10.890.000
116	4	142	3	Cây nạo ngà răng	Dụng cụ nạo ngà	01511, 01512, 01513, 01514	YDM Corporation	Nhật	YDM Corporation	Nhật	Gói/1 cái	Cái	180000550/PCBA-HCM	10	800.000	8.000.000
117	5	143	3	Cây nạo nha chu viêm	Periodontal Curette (Dụng cụ nạo túi)	01515, 01516	YDM Corporation	Nhật	YDM Corporation	Nhật	Gói/1 cái	Cái	180000550/PCBA-HCM	10	800.000	8.000.000
118	6	144	3	Cây nạo ổ răng	Cây nạo ổ (răng)	14311	YDM Corporation	Nhật	YDM Corporation	Nhật	Gói/1 cái	Cái	180000550/PCBA-HCM	10	1.963.000	19.630.000

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
119	7	145	3	Cây trám các loại	Cây trám vật liệu tạm (Temporary Filling)	03394, 03395	YDM Corporation	Nhật	YDM Corporation	Nhật	Gói/1 cái	Cái	180000550/PCBA-HCM	6	1.215.000	7.290.000
120	8	147	3	Đai đánh bóng răng bằng silicon	Đai đánh bóng răng	624055X 624065X	Dentsply Caulk	Mỹ	Dentsply Caulk	Mỹ	Hộp/ 30 cái	Cái	220001374/PCBB-BYT	600	40.000	24.000.000
121	9	148	3	Dầu xịt tay khoan	Dầu tra tay khoan	MD-400	W&H Dentalwerk Burmoos GmbH	Áo	W&H Dentalwerk Burmoos GmbH	Áo	Chai 400ml	Chai	170000447/PCBA-HCM	6	500.000	3.000.000
122	10	149	3	Dụng cụ điều trị tủy lại dùng để nong giữa tạo hình ống tủy trong các trường hợp đã điều trị tủy thất bại	Dụng cụ lấy côn răng GPR		Mani Inc	Nhật	Mani Inc	Nhật	Hộp/ 4 cái	Cái	220000004/PCBB-TNg	92	146.250	13.455.000
123	11	150	3	Kèm cắt dây mảnh	Kèm cắt dây (mảnh)	27605, 27615	YDM Corporation	Nhật	YDM Corporation	Nhật	Gói/1 cái	Cái	180000550/PCBA-HCM	2	4.620.000	9.240.000
124	12	151	3	Kèm nhổ răng các loại	Kèm nhổ răng các loại	17046, 17032, 17021	YDM Corporation	Nhật	YDM Corporation	Nhật	Gói/1 cái	Cái	180000550/PCBA-HCM	7	4.043.000	28.301.000
125	13	152	3	Kèm tháo khâu nha khoa	Kèm chỉnh nha (tháo khâu)	27412, 27443	YDM Corporation	Nhật	YDM Corporation	Nhật	Gói/1 cái	Cái	180000550/PCBA-HCM	2	3.630.000	7.260.000
126	14	153	3	Mặt gương nha	Mặt gương khám răng	13131	YDM Corporation	Nhật	YDM Corporation	Nhật	Hộp/ 6 cái	Cái	180000550/PCBA-HCM	300	30.000	9.000.000
127	15	154	5	Mũi mài sữa, đánh bóng hàm giả, các cỡ	Mũi khoan răng MI STRAINLESS BURS		Mani Hanoi Co., Ltd/ Mani Inc.	Việt Nam/ Nhật	Mani Inc	Nhật	Hộp/ 6 cái	Cái	220001803/PCBB-BYT	10	26.000	260.000
128	16	155	6	Vật liệu làm khô ống tủy	Vật liệu thấm khô ống tủy dùng trong nha khoa (Absorbent Paper Point)		Sure Dent Corporation	Hàn Quốc	Sure Dent Corporation	Hàn Quốc	Hộp/ 100 cái	Cái	220000216/PCBB-HCM	2.700	625	1.687.500
Tổng cộng:			16	danh mục											Giá trị:	181.905.500

41. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Dược phẩm Quang Dương

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
129	1	2	6	Miếng đặt vùng cằm	Vật liệu cấy ghép lâu dài trong cơ thể: Miếng đặt vùng mặt (cằm)	AB-4460-20, AB-4470-20, AB-4480-20, C1-4370-20, D1-4480-20, E1-5895-20	KEOSAN TRADING CO., LTD	Hàn Quốc	KEOSAN TRADING CO., LTD	Hàn Quốc	Hộp/ 1 cái	Cái	13462NK/BYT-TB-CT	3	2.000.000	6.000.000
130	2	3	6	Miếng đặt vùng mũi	Vật liệu cấy ghép lâu dài trong cơ thể: Miếng đặt vùng mặt (mũi)	MA45-20,TA55-20,TB60-20,TB70-20,TC50-20,T50-20,T60-20,MIMI-A,MIMI-B,MIMI-C,HIGHKO	KEOSAN TRADING CO., LTD	Hàn Quốc	KEOSAN TRADING CO., LTD	Hàn Quốc	Gói/1 cái	Cái	13462NK/BYT-TB-CT	76	1.200.000	91.200.000
Tổng cộng:			2	danh mục											Giá trị:	97.200.000

42. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Huy Thông

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
131	1	114	3	Bộ đặt dẫn lưu sau phẫu thuật áp lực 120mbar, 250ml	Pri Low Vac Save Set	250ml	Primed Halberstadt Medizintechnik GmbH	Đức	Primed Halberstadt Medizintechnik GmbH	Đức	Hộp / bộ	Bộ	220000947/PCBB-HCM	800	178.500	142.800.000
Tổng cộng:			1	danh mục											Giá trị:	142.800.000

43. Tên nhà thầu: Công ty CP Y Tế Nhất Minh

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
132	1	93	3	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, đa tiêu, điều chỉnh lão thị	Thủy tinh thể mềm đa tiêu cự Tecnis Synergy IOL OptiBlue	Mã hàng: ZFR00V	AMO	Mỹ/ Hà Lan	Johnson & Johnson Surgical Vision	Mỹ	Hộp/ 1 cái	Cái	17937NK/BYT-TB-CT	10	25.000.000	250.000.000

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
133	2	94	3	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, phi cầu	Thủy tinh thể mềm Tecnis 1 Aspheric IOL	Mã hàng: ZCB00	AMO	Mỹ	Johnson & Johnson Surgical Vision	Mỹ	Hộp/ 1 cái	Cái	17937NK/BYT-TB-CT	250	3.870.000	967.500.000
Tổng cộng:			2	danh mục											Giá trị:	1.217.500.000

44. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Hoàng Lộc

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
134	1	64	6	Găng tay tiết khuẩn, không bột, chiều dài tối thiểu 260 đến 280 mm, các cỡ	Găng tiết trùng GAMMEX Non-Latex cổ găng thẳng, không bột, xanh lá	Gammex Non-Latex Powder-Free	Ansell	Mã Lai	Ansell	Mã Lai	1 đôi/ gói vô trùng	Đôi	220001650/PCCB-BYT	20.000	36.540	730.800.000
135	2	65	3	Lưỡi dao mổ, cỡ 10, 11, 12, 15, 20, 21	Dao mổ KAI, số 10, 11, 15, 20, 23	Kai	KAI	Nhật	KAI	Nhật	1c/ gói vô trùng	Cái	220001667/PCBB-BYT	24.000	4.410	105.840.000
136	3	66	3	Bình làm ấm oxy, 340ml	Bình làm ấm oxy Aquapak 340ml có nước tiết trùng, co nối kiểu F	Aquapak (003-40/ 003-40F)	Medline	Mỹ	Teleflex	Mỹ	1 cái / gói	Cái	220003656/PCCB-HCM	300	115.500	34.650.000
Tổng cộng:			3	danh mục											Giá trị:	871.290.000

45. Tên nhà thầu: Công ty TNHH Vật Liệu Y tế Việt

STT	STT theo nhà thầu	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Tên thương mại	Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
137	1	18	3	Bộ phun khí dung cho máy thở	Cot khí dung dùng cho ống nội khí quản người lớn	1464000	Intersurgical	Anh	Intersurgical	Anh	Thùng/ 40 cái	Cái	220000327/PCBA-HCM	200	52.500	10.500.000
Tổng cộng:			1	danh mục											Giá trị:	10.500.000

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC KHÔNG TRÚNG THẦU
(Đính kèm Quyết định 254/QĐ-BVĐHYD ngày 14 tháng 02 năm 2023)

STT	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Giá kế hoạch (VND)	Lý do
1	1	3	Ống hút dịch dùng trong sinh thiết nội mạc tử cung	Ống hút dịch dùng trong sinh thiết nội mạc tử cung - Chất liệu: Vỏ bằng nhựa polypropylen trong suốt - Chiều dài: khoảng 26.5cm; đường kính trong khoảng 2.6mm; đường kính ngoài khoảng 3.1mm, - Đặc điểm: có vạch chia mỗi 1cm, đầu tù, có lỗ mở khoảng 2mm có các cạnh sắc bén cách đầu xa khoảng 4cm. Pit tông bằng nhựa acetal mềm, di chuyển tạo chân không cho lòng ống không cần nối với nguồn hút áp lực - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE	Cái	64	210.000	13.440.000	Không đạt bước đánh giá về kỹ thuật
2	11	6	Bao chỉ đùi trong phòng ngừa truyền tắc huyết khối tĩnh mạch, tạo 3 áp lực (73-63-45)mmHg	Bao chỉ đùi trong phòng ngừa truyền tắc huyết khối tĩnh mạch - Bằng vải không dệt cỡ khoảng 74cm / 29", không có chất cao su và không kích ứng da, có tấm lót hơi không đối xứng với ống nối hơi đơn (1 ống) quấn từ mắt cá chân lên bắp chân và phần đùi. - Áp lực nén trong thời gian dưới 0.5 giây. Tạo áp lực (73-63-45)mmHg, thời gian giữ 6 giây. - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn FDA/ISO/CE - Hỗ trợ đặt máy tại bệnh viện	Đôi	10	1.500.000	15.000.000	Không có nhà thầu dự thầu
3	30	Không phân nhóm	Bình Gas dùng cho máy SteriVac	Bình khí Gas dùng cho máy SteriVac - Thành phần 100% Ethylene Oxide (EO) - Trọng lượng 170g	Cái	200	352.000	70.400.000	Không có nhà thầu dự thầu

2023

STT	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Giá kế hoạch (VND)	Lý do
4	33	3	Phin lọc vi khuẩn dùng cho máy đo nồng độ NO cho người lớn và trẻ em	Phin lọc vi khuẩn dùng cho máy đo nồng độ NO cho người lớn và trẻ em - Chất liệu: vỏ nhựa polystyrene cách điện, màng lọc bằng hydrophobic Polypropylene - Kích thước: 18 x 28mm - Thiết kế bầu dục - Hiệu quả lọc: 99,9% - Khoảng chết: 32ml - Tốc độ dòng: 0,93cmH2O - Khu vực lọc: > 34cm2 - Tương thích với máy đo FeNO+ - Tiêu chuẩn chất lượng: CE	Cái	3.000	47.000	141.000.000	Không có nhà thầu dự thầu
5	51	5	Gạc đắp vết thương, cỡ 6 x 15cm	Gạc đắp vết thương <15cm - Cấu tạo: gồm 1 lớp bông (100% cotton) ở giữa 2 lớp gạc không dệt hút nước (sợi viscose hút nước 70% và 30% polyester). - Kích thước: 6 x 15cm. - Đặc tính bông hút nước: khả năng giữ nước ≥ 20g nước/gr, tốc độ hút nước: thời gian chìm không quá 10 giây - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được > 5 gam nước - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Miếng	4.000	930	3.720.000	Không có nhà thầu dự thầu
6	52	5	Gạc phẫu thuật cân quang, 40 x 40cm, 6 lớp	Gạc phẫu thuật cân quang - Chất liệu: cotton 100%, màu trắng - Kích thước 40 x 40cm, 6 lớp - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên - Mật độ sợi: ngang 7-9 sợi, dọc 9-11 sợi; có sợi cân quang - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng ISO	Miếng	1.290	6.560	8.462.400	Không có nhà thầu dự thầu
7	53	6	Gạc sạch, cỡ 10x10cm, 6 lớp	Gạc sạch, không cân quang - Chất liệu: 100% sợi cotton, màu trắng, không hồ, mềm mịn, không gây kích ứng da - Kích thước: 10 x 10cm, 6 lớp - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên - Tốc độ hút nước: < 5 giây - Mật độ sợi: ngang 7-9 sợi/cm, dọc 9-11 sợi/cm - Trọng lượng: tối thiểu 23g/m2 - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO	Miếng	30.000	420	12.600.000	Không có nhà thầu dự thầu

STT	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Giá kế hoạch (VND)	Lý do
8	71	3	Ống thông chữ T giữ đường mở khí quản, Silicon mềm, các cỡ	Ống thông chữ T nhằm duy trì một đường khí quản tái hẹp và phải mở khí quản trong thời gian trên 6 tháng - Chất liệu: Silicon, có cân quang - Cấu tạo gồm: 01 ống chữ T kiểu vuông góc, 02 bộ vòng giữ và đóng đầu ống gồm 7 cỡ - Ống chữ T gồm 3 nhánh: - Nhánh thanh quản: Dài từ 29 -> 33mm, đường kính từ 10 -> 16mm - Nhánh ra da: Dài từ 38 -> 65mm, đường kính từ 8 -> 11mm - Nhánh xuống phổi: Dài từ 72mm -> 75mm, đường kính từ 10mm -> 16mm - Bao gồm: Vòng giữ ống, Nút ống dài 15mm - Tiêu chuẩn Chất lượng: ISO/CE	Cái	10	12.000.000	120.000.000	Không có nhà thầu dự thầu
9	85	3	Băng dính trong suốt cố định kim luồn, 6.5 x 7cm	Băng dính trong suốt cố định kim luồn ngoại biên, dành cho người lớn - Màng bán thấm trong suốt bằng polyurethan 14%, phủ lớp keo acrylate khoảng 25% - Chiều rộng: 6.5cm, chiều dài 7cm - Đặc tính: ngăn cản nước, vi khuẩn, virus có kích thước > 27nm - Viền xung quanh bằng vải không dệt, rãnh xẻ sâu phù hợp các loại kim luồn - Có khung viền giấy giúp dễ cầm khi dán băng giúp băng không bị dính vào nhau khi thao tác. - Bộ phận đi kèm: nhãn ghi chú ngày giờ dán băng, băng keo cố định. - Thời gian lưu khoảng 5 - 7 ngày - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Miếng	20.000	10.500	210.000.000	Vượt giá kế hoạch, đàm phán không thành công
10	86	3	Gạc gắn với băng dính trong suốt, cỡ 5 x 7cm	Gạc gắn băng dính trong suốt, dùng cho vết mổ nội soi, có chiều dài < 4cm - Nền băng: lớp màng trong suốt, bán thấm, bằng Polyurethane < 5%, phủ lớp keo Acrylate 10 - 15%, ngăn ngừa sự xâm nhập của vi khuẩn/ vi rút có đường kính > 27nm, cạnh mép bo tròn, kích thước 5 x 7cm - Lớp gạc ở giữa: bằng vải không dệt 15 - 25%, màu trắng, thấm hút tốt, không dính vào vết thương, kích thước 2 x 4cm - Có khung viền giấy dễ dàng tháo gỡ và thao tác, không dính găng tay nhân viên y tế, giữ băng luôn căng và phẳng trong khi dán - Không thấm nước, ít gây kích ứng da, độ dính tốt, không sót keo khi tháo băng - Đóng gói tiệt khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE/ FDA	Miếng	9.000	6.000	54.000.000	Vượt giá kế hoạch, đàm phán không thành công

STT	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Giá kế hoạch (VND)	Lý do
11	87	3	Gạc gắn với băng dính trong suốt, cỡ 9 x 25cm	Gạc gắn băng dính trong suốt dùng trong băng vết mổ, có chiều dài < 25cm - Nền băng: lớp màng trong suốt, bán thấm, bằng Polyurethane < 5%, phủ lớp keo Acrylate 10 - 15%, ngăn ngừa sự xâm nhập của vi khuẩn/ vi rút có đường kính > 27nm, cạnh mép bo tròn, kích thước 9 x 25cm - Lớp gạc ở giữa: băng vải không dệt 15 - 25%, màu trắng, thấm hút tốt, không dính vào vết thương, kích thước 4 x 20cm - Có khung viền giấy dễ dàng tháo gỡ và thao tác, không dính găng tay nhân viên y tế, giữ băng luôn căng và phẳng trong khi dán - Không thấm nước, ít gây kích ứng da, độ dính tốt, không sót keo khi tháo băng - Đóng gói tiệt khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Miếng	7.500	15.120	113.400.000	Vượt giá kế hoạch, đàm phán không thành công
12	88	3	Gạc gắn với băng dính trong suốt, cỡ 9 x 15cm	Gạc gắn băng dính trong suốt dùng trong băng vết mổ, có chiều dài < 10cm - Nền băng: lớp màng trong suốt, bán thấm, bằng Polyurethane < 5%, phủ lớp keo Acrylate 10 - 15%, ngăn ngừa sự xâm nhập của vi khuẩn/ vi rút có đường kính > 27nm, cạnh mép bo tròn, kích thước 9 x 15cm - Lớp gạc ở giữa: băng vải không dệt 15 - 25%, màu trắng, thấm hút tốt, không dính vào vết thương, kích thước 4 x 10cm - Có khung viền giấy dễ dàng tháo gỡ và thao tác, không dính găng tay nhân viên y tế, giữ băng luôn căng và phẳng trong khi dán - Không thấm nước, ít gây kích ứng da, độ dính tốt, không sót keo khi tháo băng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE/ FDA	Miếng	12.000	9.660	115.920.000	Vượt giá kế hoạch, đàm phán không thành công
13	89	3	Gạc xốp (foam) 10 x 11cm, màng film phủ ngoài, cỡ 14 x 15cm (±0.5)	Gạc xốp (foam) dùng cho vết thương tiết dịch từ ít đến nhiều, tại các vị trí như gót chân hoặc khuỷu tay, cùi chỏ - Chất liệu: lớp nền dạng foam, chất liệu Polyurethane >30%, kích thước 10 x 11cm, tráng lớp keo trắng Acrylate: < 13%, lớp vải không dệt 5 - 15%, lớp màng Film bằng Polyurethane phủ ngoài cùng, bán thấm, khoảng 5 - 10%, kích thước 14 x 15cm (±0.5) - Đặc tính: hình bầu dục, không thấm nước, ngăn vi khuẩn và virus có đường kính ≥ 27nm, khả năng thấm hút dịch tối thiểu 85ml - Thời gian lưu băng khoảng 5- 7 ngày - Đóng gói tiệt khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE/FDA	Miếng	450	120.000	54.000.000	Vượt giá kế hoạch, đàm phán không thành công

STT	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Giá kế hoạch (VND)	Lý do
14	90	3	Gạc xốp (foam) 13 x 17cm, màng film phủ ngoài, cỡ 19 x 22cm (±0.5)	Gạc xốp (foam) dùng cho vết thương tiết dịch từ ít đến nhiều, tại các vị trí như gót chân hoặc khuỷu tay, cùi chỏ - Chất liệu: lớp nền dạng foam, chất liệu Polyurethane >30%, kích thước 13 x 17cm, tráng lớp keo tráng Acrylate: < 13%, lớp vải không dệt 5 - 15%, lớp màng Film bằng Polyurethane phủ ngoài cùng, bán thấm, khoảng 5 - 10%, kích thước 19 x 22cm (±0.5) - Đặc tính: hình bầu dục, không thấm nước, ngăn vi khuẩn và virus có đường kính ≥ 27nm, khả năng thấm hút dịch tiết tối thiểu 85ml - Thời gian lưu băng khoảng 5- 7 ngày - Đóng gói tiệt khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE/FDA	Miếng	255	170.000	43.350.000	Vượt giá kế hoạch, đàm phán không thành công
15	91	3	Miếng dán sát khuẩn dùng trong phẫu thuật 56x45cm	Miếng dán sát khuẩn dùng trong phẫu thuật, phủ Iodophor, kháng khuẩn - Chất liệu: Lớp film Polyester resin phủ Iodophur hàm lượng 0.117 -> 0.197 mg/cm² kháng khuẩn phổ rộng, lớp giấy lót - Kích thước: băng 56 x 45cm, tổng thể: 66cm x 45cm - Đặc tính: Lớp film mỏng, thông thoáng, co giãn tốt và dính chặt trên da và rìa vết mổ. Cung cấp phẫu trường vô khuẩn, có tính kháng khuẩn phổ rộng, tăng hiệu quả ngăn ngừa nhiễm khuẩn vết mổ. - Tiệt khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn chất lượng ISO/ CE/ FDA	Miếng	1.900	131.500	249.850.000	Vượt giá kế hoạch, đàm phán không thành công
16	92	3	Miếng dán sát khuẩn chứa Chlorhexidine Gluconate 2%, 10 x 12cm	Miếng dán sát khuẩn có chứa Chlorhexidine Gluconate 2% dùng cố định catheter tĩnh mạch trung tâm - Màng film Polyurethane, phủ lớp keo Acrylate ≤ 15%; chính giữa có Gel CHG kháng khuẩn 35 - 45%, kích thước 3 x 4cm; xung quanh viền vải không dệt; - Kích thước 10x12cm - Đặc tính: Chống thấm nước và vi khuẩn xâm nhập, rào cản chống virus có đường kính ≥ 27nm, thấm máu và dịch tiết. Viền vải xung quanh giúp cố định chắc chắn hơn. Nền keo Acrylate, độ dính tốt và hạn chế kích ứng da. Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng. Có tích hợp sẵn các đoạn băng keo cố định đi kèm dùng cho cố định dây truyền dịch - Thời gian lưu tối thiểu 5 ngày - Đóng gói tiệt khuẩn từng miếng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE/ FDA	Miếng	6.000	155.400	932.400.000	Vượt giá kế hoạch, đàm phán không thành công

Handwritten signature

STT	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Giá kế hoạch (VND)	Lý do
17	115	3	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, đa tiêu, đặt qua vết mổ 1.8mm	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh đa tiêu dạng phiến được lắp sẵn trong cartridge - Chất liệu Acrylic - Công suất cộng thêm cho nhìn gần +3,33D, nhìn trung gian +1,66D. vòng khúc xạ và nhiều xạ được thiết kế trên bề mặt trước optic. - Thiết kế chống tia UV, rìa vuông kết hợp vòng chống đục bao sau 360 độ làm tăng khả năng chống đục bao sau gấp hai lần. Đặt qua vết mổ nhỏ 1.8mm. - Đường kính optic 6mm, chiều dài 11mm. - Dải công suất từ +0.0D -> +32.0D - Hằng số A: 118.6. - Chỉ số khúc xạ n là 1.46. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA - Tiệt khuẩn	Cái	20	20.000.000	400.000.000	Không có nhà thầu dự thầu
18	116	3	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, đơn tiêu	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, một mảnh, đơn tiêu, dạng phi cầu - Chất liệu Acrylic ngâm nước 25% với bề mặt không ngâm nước, cầu sai trung tính - Thiết kế hình phiến 4 điểm tựa Z-Haptic có lỗ và đặt qua vết mổ nhỏ 2.2 mm. Góc Haptic 0 độ. - Đường kính 6mm, chiều dài 11mm. - Chỉ số Abbe 58. - Hằng số A là 118.3. Độ sâu tiền phòng ACD là 5.14. - Dải công suất từ -10D -> +42D - Kèm cartridge + injector dùng một lần - Tiệt khuẩn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Cái	193	1.735.000	334.855.000	Không có nhà thầu dự thầu
19	118	3	Sáp chỉnh nha	Sáp chỉnh nha bôi trơn chống tổn thương niêm mạc môi má trong thủ thuật chỉnh nha - Thành phần: sáp - Kích thước: dạng thoi dài khoảng 5cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Cái	330	6.100	2.013.000	Không đạt bước đánh giá về kỹ thuật
20	119	3	Thun tách kẽ, các cỡ	Thun tách kẽ giữa các răng trong thủ thuật chỉnh nha - Chất liệu: nhựa ép mịn - Đường kính: khoảng 0.5 cm - Tương đương loại ESPE - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE/FDA	Gói	75	410.000	30.750.000	Không đạt bước đánh giá về kỹ thuật

STT	STT HSYC	Phân nhóm TT 14 (HSYC)	Tên danh mục	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Giá kế hoạch (VND)	Lý do
21	123	6	Kim dành cho nha khoa, 27G	Kim gây tê nha khoa 27G - Chất liệu: thép không gỉ - Cỡ kim: 27G (0.4mm) - Chiều dài thân kim: 21mm, 30mm. - Đầu kim vát nhọn, bén, phù hợp vùng gây tê, mềm, dễ uốn cong - Tương thích với bơm tiêm inox cùng hãng - Sử dụng 01 lần. - Đóng gói tiệt khuẩn	Cái	1.500	1.500	2.250.000	Không đạt bước đánh giá về kỹ thuật
22	146	3	Chất trám răng dạng lỏng	Chất trám răng dạng lỏng có tác dụng lấp đầy các lỗ hổng trên răng - Tính chất: tự giảm xói mòn và có độ dán dính tốt vào men và ngà răng. - Có độ cân quang cao, nhìn thấy khi chụp với tia X - Tạo độ sánh khi dùng để trám các xoang nhỏ và trám lót cho xoang lớn. - Giảm thiểu tối đa nguy cơ nhạy cảm sau điều trị. - Trọng lượng: 2g - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485/CE	Ống	122	492.000	60.024.000	Không đạt bước đánh giá về kỹ thuật
Tổng cộng: 22 danh mục							Giá trị:	2.987.434.400	

CHÍNH *